TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST Ngày 18-4-2022 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Sơn Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nhung

2. Bà Hoàng Thị Chính.

-Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Chính-Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đô-Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp việc nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXX-ST ngày 08-3-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/QĐST-DS ngày 28-3-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L; địa chỉ: Tổ T1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Anh Ngô Duy T; cùng địa chỉ: Tổ T1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị L trình bày:

Chị Phạm Thị L kết hôn với anh Ngô Duy T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, quận K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại phường V, quận K. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện anh chị đã sống ly thân. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đôi bên chung sống với nhau không có hạnh phúc nên chị yêu cầu Toà

án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: Anh chị có hai con chung là Ngô Quỳnh A, sinh ngày 11-3-2011 và Ngô Minh D, sinh ngày 21-8-2012. Chị L đề nghị Tòa án giao con chung Ngô Quỳnh A cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Ngô Minh D cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị L không yêu cầu Tòa giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Ngô Duy T:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Ngô Duy T nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, quan điểm, ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp việc nuôi con chung của chị L.

Tại phiên toà:

Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị Lê có nội dung chị yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Duy T và đề nghị Tòa án giao con chung Ngô Quỳnh A cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Ngô Minh D cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung chị L không đề nghị Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được và do đương sự cung cấp, các Biên bản xác minh của chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú, đơn đề nghị của cháu Ngô Quỳnh A và cháu Ngô Minh D.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không tuân thủ đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Ngô Duy T; về con chung: Đề nghị giao con chung Ngô Minh D cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Ngô Quỳnh A cho cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, do đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; về án phí: Chị Phạm Thị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhân dân quận K nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Phạm Thị L có đơn khởi kiện (về việc xin ly hôn) với anh Ngô Duy T và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Ngô Duy T là bị đơn trong vụ án có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ T1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Nguyên đơn là chị Phạm Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Ngô Duy T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định chị Phạm Thị L và anh Ngô Duy T có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, quận K, thành phố Hải Phòng (Chứng nhận kết hôn số 75, quyển số 01-2010 ngày 30-8-2010), đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại phường V, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, hiện anh chị đã sống ly thân. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị L và anh T có hai con chung là Ngô Quỳnh A, sinh ngày 11-3-2011 và Ngô Minh D, sinh ngày 21-8-2012. Chị L có nguyện vọng được nuôi con Ngô Minh D và yêu cầu Tòa án giao con Ngô Quỳnh A cho anh T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét, chị L và anh T có hai con chung, nên giao cho mỗi người nuôi một con là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế và quyền lợi về mọi mặt của con chung. Quá trình giải quyết vụ án, chị L đã giao nộp đơn đề nghị của hai con chung, cháu Ngô Quỳnh A có nguyện vọng được ở với bố, cháu Ngô Minh D có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét nguyện vọng của nguyên đơn và của hai con chung là chính đáng và phù hợp nên chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị L và anh Ngô Duy T đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L và anh Ngô Duy T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tại phiên tòa là có cơ sở, hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Ngô Duy T.

2. Về việc nuôi con chung: Giao con chung Ngô Quỳnh A, sinh ngày 11-3-2011 cho anh Ngô Duy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Ngô Minh D, sinh ngày 21-8-2012 cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án không xem xét giải quyết đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003553 ngày 06-10-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L và anh Ngô Duy T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường V;
- Đương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Thị Nhân